

Bản án số:43/2025/DS-ST
Ngày 25-7-2025
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài
sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;

Ông Ngô Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện nay là khu phố C, xã C, tỉnh Tây Ninh); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn:

Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1974; vắng mặt

Anh Lê Gia B, sinh năm 1997; vắng mặt

Chị Lê Gia H, sinh năm 2005; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: tổ D, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện nay là tổ D, khu phố C, xã C, tỉnh Tây Ninh);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1940; vắng mặt

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: số H, tổ A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (hiện nay là số H, tổ A khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Giữa bà L và vợ chồng ông Đ, bà C không có mối quan hệ bà con họ hàng, chỉ quen biết nhau vì sinh sống cùng khu phố, buôn bán cùng nhau tại chợ C1, huyện C. Bà C làm chủ thảo hụi và bà L có tham gia góp hụi, cụ thể như sau:

Bà L tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 10/4/2022 dương lịch, mãn hụi ngày 10/4/2024 mỗi tháng khai một lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi gồm có 25 phần, bà L tham gia một phần trong danh sách hụi là số thứ tự 9, bà L góp hụi đến ngày 17/9/2023 thì ngưng do bà C tự tử chết, số tiền hụi gốc bà L góp mỗi tháng 4.000.000 đồng x 18 tháng = 72.000.000 đồng, bà C nợ chưa trả. Khi làm đơn khởi kiện bà L tính hụi chết 5.000.000 đồng tháng nên số tiền yêu cầu 90.000.000 đồng. Nay bà L xác định chỉ yêu cầu trả hụi gốc 72.000.000 đồng.

Bà C đã chết ngày 19/9/2023, nên bà L khởi kiện yêu cầu chồng bà C, các con bà C là hàng thừa kế thứ nhất của bà C phải trả tiền cho bà L theo quy định của pháp luật trong phạm vi di sản bà C để lại.

Bà L không yêu cầu ông Đ1, bà T là cha mẹ của bà C trả tiền vì ông bà đã lớn tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Đ, anh B, chị H như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ, anh B, chị H không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Đ1 và bà Đỗ Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến trình bày: Ông Đ1, bà T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những

người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 471, 615, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Giao B1, chị Lê Gia H về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại. Buộc ông Đ, anh B1, chị H có trách nhiệm trả số nợ hội 72.000.000 đồng cho bà Vũ Thị L trong phạm vi di sản bà C để lại.

Ghi nhận bà Vũ Thị L không yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Đỗ Thị T thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Thị Kim C để lại.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim C gồm ông Đ, anh B1, chị H có nghĩa vụ trả tiền nợ hội trong phạm vi di sản bà C để lại; bị đơn cư trú tại xã C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đ, anh B1, chị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ1, bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ hội:

Căn cứ vào danh sách hội nguyên đơn cung cấp đây hội khai ngày 10/4/2022, bà L trình bày bà C còn nợ bà L số tiền 72.000.000 đồng.

Xét thấy, bà L cung cấp chứng cứ là danh sách đây hội (bút lục 02). Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn ông Đ, anh B1, chị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ1, bà T không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng

ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Hơn nữa, lời khai của 02 người làm chứng (bút lục số 30, 31) là những hội viên cùng chung dây hội với bà L, xác nhận bà L có tham gia góp hội do bà C làm chủ thảo hội và bà L chưa được hốt hội.

Do đó, có đủ căn cứ xác định hợp đồng góp hội giữa bà L và bà C là có thật, bà C chưa thanh toán xong tiền hội cho bà L, nên buộc bà C trả bà L số tiền hội còn nợ 72.000.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà C chết ngày 19/9/2023 (bút lục 38), bà C có chồng là ông Đ, có con ruột là anh B1, chị H, có cha mẹ ruột là ông Đ1, bà T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C. Ông Đ, anh B1, chị H, ông Đ1, bà T đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án, không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không có ý kiến trình bày, đã từ bỏ quyền phản bác nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Do bà L không yêu cầu bà T, ông Đ1 có nghĩa vụ trả tiền nên ghi nhận. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 651, Điều 615 Bộ luật Dân sự những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm ông Đ, anh B1, chị H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 72.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà C để lại.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn gồm ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H chịu án phí trong phạm vi di sản bà C để lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 615, 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định 19/2019/CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại*”.

Buộc những người hưởng thừa kế của bà Trần Thị Kim C gồm ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị L số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu) đồng trong phạm vi di sản bà Trần Thị Kim C để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bà Vũ Thị L không yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Đỗ Thị T thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Thị Kim C để lại.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H chịu án phí 3.600.000 (Ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản bà Trần Thị Kim C để lại.

Bà Vũ Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 2.250.000 (Hai triệu, hai trăm, năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006284 ngày 14/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TNơi nhận:

- Phòng Th.tra, K.tra và THA TAND t Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Hương

TNơi nhận:

- Phòng Th.tra, K.tra và THA TAND t Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Hương